

Số: 3148 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 11 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; đơn giá đất nông nghiệp để xác định số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoài Sơn thuộc dự án Khu dân cư Hạnh Phúc 2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 868/TTr-STNMT ngày 10/12/2020.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; đơn giá đất nông nghiệp để xác định số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoài Sơn thuộc dự án Khu dân cư Hạnh Phúc 2 như sau:

1. Giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

1.1. Mục đích định giá đất: Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả tiền hàng năm.

1.2. Thông tin về khu đất cần định giá:

a) Khu đất tọa lạc tại phường Tân Đông, thành phố Đồng Xoài.

b) Tổng diện tích khu đất: 52.804,2 m², cụ thể như sau:

- Giao đất để quản lý xây dựng đường giao thông, trồng cây xanh với diện tích 24.133,0 m², trong đó:

+ Đất đường giao thông: 22.128,6 m²;

+ Đất trồng cây xanh: 2.004,4 m².

- Giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở với diện tích 24.344,0 m² (trong đó bao gồm 200,0 m² đất đất ở tại đô thị Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoài Sơn nhận chuyển nhượng của hộ dân).

- Cho thuê đất trả tiền hàng năm để xây dựng bãi xe, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng và đất giáo dục với diện tích 4.327,2 m², trong đó:

+ Đất bãi xe: 745,3 m².

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: 243,6 m².

+ Đất giáo dục: 1.121,6 m².

+ Đất dịch vụ công cộng: 2.216,7 m².

c) Mục đích sử dụng đất: Đất ở, đất đường giao thông, đất trồng cây xanh, đất bãi xe, đất hạ tầng kỹ thuật, đất giáo dục, đất dịch vụ công cộng.

d) Thời điểm định giá: Tháng 8/2020.

1.3. Kết quả xác định giá đất:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
<i>Đường phố loại 2, đường Phú Riêng Đỏ (đoạn từ cổng Trường nghiệp vụ cao su - P.Tân Đông đến ranh giới huyện Đồng Phú)</i>				
1	Đất ở tại đô thị			
	<i>Vị trí cách HLBVĐB trên 200m</i>	24.144,00	1.765.392	42.623.624.448

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
2	Đất thương mại-dịch vụ (dịch vụ công cộng)			
	<i>Vị trí cách HLBVĐB trên 200m</i>	2.216,70	1.412.314	3.130.676.444
3	Đất giao thông (bãi xe)			
	<i>Vị trí cách HLBVĐB trên 200m</i>	745,30	882.696	657.873.329
4	Đất thủy lợi (hạ tầng kỹ thuật)			
	<i>Vị trí cách HLBVĐB trên 200m</i>	243,60	882.696	215.024.746
5	Đất giáo dục			
	<i>Vị trí cách HLBVĐB trên 200m</i>	1.121,60	882.696	990.031.834
TỔNG CỘNG		28.471,20		47.617.230.800
<i>(Bảng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, hai trăm ba mươi nghìn, tám trăm đồng)</i>				

Ghi chú: Đơn giá đất ở tính cho thời hạn sử dụng ổn định lâu dài; đơn giá đất các loại đất còn lại tính cho thời hạn sử dụng đất là 50 năm.

2. Đơn giá đất nông nghiệp để xác định số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

2.1. Mục đích xác định giá đất: Xác định giá đất nông nghiệp làm cơ sở xác định số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoài Sơn thuộc dự án Khu dân cư Hạnh Phúc 2.

2.2. Thông tin về khu đất cần xác định giá:

a) Vị trí khu đất thuộc phường Tân Đông, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

b) Tổng diện tích khu đất là 52.604,20 m², cụ thể như sau:

- Đất trồng cây lâu năm: 49.947,2 m².

- Đất trồng cây hàng năm khác: 2.657,0 m².

c) Thời điểm thẩm định giá: Tháng 8/2020.

2.3. Kết quả định giá đất:

STT	Vị trí, loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)
1	Đất trồng cây lâu năm		
	Khu vực 1 - Vị trí 3	49.947,20	447.249

STT	Vị trí, loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)
2	Đất trồng cây hàng năm khác		
	Khu vực 1 - Vị trí 3	2.657,00	447.249
TỔNG CỘNG		52.604,20	

Ghi chú: Giá đất nông nghiệp trên tính cho thời hạn sử dụng đất là 50 năm.


Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá; Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục Thuế tỉnh Bình Phước, Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐ 376).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh